

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ngày 18 tháng 12 năm 2022
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm: quy định chung; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền của cá nhân và đơn vị liên quan; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng: trường đại học, viện nghiên cứu khoa học thành viên, khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Quy chế này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài mà chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy. Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

2. Ngôn ngữ đào tạo là tiếng Việt. Việc đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài do cơ sở đào tạo quy định, theo các quy định hiện hành về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng), do cơ sở đào tạo quyết định và công khai trước khi tuyển sinh, bảo đảm phù hợp với quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và được ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4. Nghiên cứu sinh có thể hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng không sớm hơn quá 01 năm (12 tháng). Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, cơ sở đào tạo xem xét cho phép nghiên cứu sinh được gia hạn để tiếp tục học tập, nghiên cứu. Tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng). Thời gian đào tạo được tính từ ngày bắt đầu khóa đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh đến thời điểm hoàn thành đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo. Thời gian nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ thai sản theo quy định của nhà nước không tính trong thời gian đào tạo.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 3. Loại chương trình đào tạo

Các loại chương trình đào tạo trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, bao gồm:

1. Chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo cấp văn bằng:

a) Chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Chương trình liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình liên kết đào tạo giữa các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM hoặc giữa các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, được chia thành:

a) Chương trình do cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM cấp văn bằng;

b) Chương trình do các bên liên kết cùng cấp văn bằng.

Điều 4. Quy định về chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành, bảo đảm đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

2. Chương trình đào tạo có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các môn học hoặc học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề (sau đây gọi chung là học phần) và luận án tiến sĩ, phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Chương trình đào tạo phải được cơ sở đào tạo rà soát, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm.

5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là những yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực của nghiên cứu sinh để được công nhận tốt nghiệp; phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo và yêu cầu của các bên liên quan; đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam; làm căn cứ để xây dựng và triển khai chương trình đào tạo.

Điều 5. Phương thức đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện theo hai phương thức:

1. Phương thức 1:

a) Nghiên cứu sinh phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, sử dụng toàn thời gian nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án;

b) Nghiên cứu sinh phải báo cáo tiểu luận tổng quan trong vòng 01 năm (12 tháng) tính từ khi nhập học;

c) Kết quả nghiên cứu: nghiên cứu sinh là tác giả chính công bố tối thiểu 04 bài báo trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án,

trong đó có 03 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là tạp chí WoS/Scopus); các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

2. Phương thức 2:

a) Nghiên cứu sinh phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, học các học phần của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề và luận án;

b) Kết quả nghiên cứu:

- Nghiên cứu sinh khối ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ: là tác giả chính công bố tối thiểu 02 bài báo khoa học, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus và 01 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- Nghiên cứu sinh các khối ngành còn lại: là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- Hoặc là tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế và ít nhất 01 bài công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN/ISSN hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên (áp dụng cho nghiên cứu sinh tất cả các ngành);

- Các bài báo, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phải liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc đơn vị chuyên môn.

- Các công bố tại Điều 5, Điều 24 và Điều 25 tính theo điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định đối với ngành, liên ngành phù hợp với ngành đào tạo của nghiên cứu sinh, tại thời điểm do cơ sở đào tạo quy định.

3. Trong quá trình học, nghiên cứu sinh được chuyển đổi phương thức đào tạo nhưng phải đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo muốn chuyển sang và còn trong thời gian đào tạo theo quy định.

Điều 6. Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ thạc sĩ lên trình độ tiến sĩ (Chương trình liên thông)

1. Chương trình liên thông là chương trình giúp học viên có học lực khá, giỏi rút ngắn thời gian học tập so với tổng thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ của ngành tương ứng.

2. Điều kiện cơ sở đào tạo đăng ký và tổ chức đào tạo chương trình liên thông theo quy định của ĐHQG-HCM.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 7. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo là tỉnh hoặc thành phố nơi đặt trụ sở chính hoặc phân hiệu của cơ sở đào tạo đã được ĐHQG-HCM cho phép hoạt động đào tạo.

2. Nghiên cứu sinh có thể học một số học phần, tiến hành nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đơn vị khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 8. Tổ chức đào tạo

1. Đầu khóa học, cơ sở đào tạo thông báo cho nghiên cứu sinh về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần; kế hoạch học tập, nghiên cứu; các quy định của cơ sở đào tạo. Việc thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo phải thực hiện theo quy định hiện hành; phải được công bố và hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi áp dụng.

2. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, cơ sở đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

3. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình đào tạo; cơ sở đào tạo quy định chi tiết về việc nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh tùy theo yêu cầu của từng lĩnh vực, ngành đào tạo cụ thể, phù hợp với điều kiện của cơ sở đào tạo.

4. Sau khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, cơ sở đào tạo ra quyết định công nhận tên đề tài luận án chính thức.

5. Việc chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo, trao đổi nghiên cứu sinh, nghỉ học tạm thời, điều kiện công nhận và chuyển đổi tín chỉ, đánh giá học phần: cơ sở đào tạo áp dụng theo các quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM.

Điều 9. Công nhận tín chỉ, kết quả học tập và nghiên cứu

1. Người học dự bị tiến sĩ được tích lũy không quá 50% số tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ tương ứng. Các bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu trong quá trình học dự bị tiến sĩ, liên quan đến đề tài nghiên cứu trình độ tiến sĩ, được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

2. Chương trình đào tạo liên thông trình độ thạc sĩ - tiến sĩ: cơ sở đào tạo quy định các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ giảng dạy trong phần trình độ thạc sĩ, các kết quả nghiên cứu được công nhận. Tổng số tín chỉ của các học phần

không quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Khung chương trình đào tạo liên thông trình độ thạc sĩ - tiến sĩ phải đảm bảo tổng số tín chỉ tích lũy theo quy định hiện hành.

3. Đối với ngành được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM, nghiên cứu sinh được quyền đăng ký và tích lũy không quá 25% số tín chỉ học phần giảng dạy ở cơ sở đào tạo khác nếu được cơ sở đào tạo nơi nghiên cứu sinh trúng tuyển đồng ý.

4. Đối với chương trình trao đổi nghiên cứu sinh, số tín chỉ mà nghiên cứu sinh tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% số tín chỉ của chương trình đào tạo. Riêng đối với các cơ sở đào tạo thuộc Đại học quốc gia, số tín chỉ có thể tích lũy không vượt quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

5. Đối với nghiên cứu sinh chuyên ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo: việc công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do cơ sở đào tạo quyết định.

6. Nghiên cứu sinh không thể hoàn thành chương trình tiến sĩ và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành; nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo: việc công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy do cơ sở đào tạo quyết định, tối đa không quá 50% số tín chỉ của chương trình đào tạo.

7. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc đơn vị chuyên môn và trong thời gian không quá 7 năm kể từ ngày hoàn thành kết quả học tập, nghiên cứu.

Chương IV

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 10. Yêu cầu chung đối với luận án tiến sĩ và đánh giá luận án

1. Yêu cầu chung đối với luận án tiến sĩ:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đáp ứng quy định của cơ sở đào tạo về mục đích, nội dung, khối lượng, hình thức, cách trình bày, việc trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo;

c) Tuân thủ quy định về kiểm soát đạo văn và liêm chính học thuật của cơ sở đào tạo và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Luận án tiến sĩ được đánh giá theo quy trình sau:

a) Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn;

b) Phản biện độc lập luận án;

c) Đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

Điều 11. Đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn là một hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, hỗ trợ nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án trước khi bảo vệ chính thức, công khai với tất cả những ai quan tâm (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật) và do cơ sở đào tạo quy định chi tiết.

2. Nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề theo quy định tại Điều 4 và Điều 5;

b) Đã hoàn thành luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 10;

c) Đã công bố kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 5;

d) Đã thực hiện các nhiệm vụ của nghiên cứu sinh theo quy định của cơ sở đào tạo;

đ) Tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đề nghị cho nghiên cứu sinh được đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn.

Điều 12. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá cấp cơ sở đào tạo. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho cơ sở đào tạo và ĐHQG-HCM trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo, ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ; đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại Điều 25 của Quy chế này, đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh;

b) Không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, cơ sở đào tạo gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp có 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, cơ sở đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Cơ sở đào tạo yêu cầu phản biện độc lập gửi nhận xét luận án trong thời hạn theo thư mời phản biện. Sau 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn, nếu không nhận được bản nhận xét luận án, cơ sở đào tạo có thể mời phản biện độc lập khác thay thế.

5. Cho đến khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo; đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập; các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, không tiếp xúc với nghiên cứu sinh hay người hướng dẫn.

6. Thời gian thực hiện phản biện độc lập trong vòng 06 tháng tính từ ngày nghiên cứu sinh nộp đầy đủ các hồ sơ để phản biện độc lập theo quy định của cơ sở đào tạo; trong trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến 03 phản biện độc lập hoặc lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

7. Điều kiện được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế:

a) Đối với phương thức 1: nghiên cứu sinh đáp ứng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

b) Đối với phương thức 2: nghiên cứu sinh khối ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo khoa học trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí WoS; nghiên cứu sinh các khối ngành còn lại là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo khoa học trong đó có tối thiểu 02 bài đăng trên tạp chí WoS/Scopus.

c) Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án trên cơ sở đề xuất của hội đồng hoặc đơn vị chuyên môn. Cơ sở đào tạo xem xét thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế của nghiên cứu sinh và báo cáo ĐHQG-HCM.

Điều 13. Điều kiện đề nghị đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị đưa ra đánh giá ở cấp cơ sở đào tạo;

2. Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này tán thành (ngoại trừ các trường hợp được thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế).

Điều 14. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Số lượng thành viên Hội đồng: Hội đồng gồm tối thiểu 05 thành viên; trong đó số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học không quá 02 người, số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện đối với Hội đồng 05 thành viên, hoặc 03 phản biện đối với Hội đồng trên 05 thành viên, và các ủy viên; trong đó có 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo, các phản biện còn lại là người thuộc các đơn vị khác nhau ngoài cơ sở đào tạo.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Thành viên Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 24. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng (trừ thư ký Hội đồng) như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 25 của Quy chế này;

b) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; chủ tịch Hội đồng và các phản biện không được

là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công trình công bố có liên quan đến luận án.

4. Những người không được tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo: người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) của nghiên cứu sinh, cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh.

5. Đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo với tư cách là ủy viên.

Điều 15. Đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo

1. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, cơ sở đào tạo phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể về việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo đảm bảo những quy định sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi bảo vệ luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và ĐHQG-HCM (trừ trường hợp bảo vệ luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo khi thành viên Hội đồng vắng mặt 01 người, trường hợp Hội đồng 05 thành viên; hoặc vắng mặt quá 01 người, trường hợp Hội đồng hơn 05 thành viên; hoặc vắng mặt chủ tịch; hoặc vắng mặt thư ký;

c) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án bỏ phiếu không tán thành;

d) Hội đồng có quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua;

đ) Diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết.

2. Đánh giá luận án trực tuyến, tổ chức đánh giá luận án trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác: cơ sở đào tạo áp dụng theo các quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM.

Điều 16. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì cơ sở đào tạo phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo ĐHQG-HCM kèm theo minh chứng và phải được ĐHQG-HCM đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những luận án có đề tài được xác định là mật phải thực hiện những quy định và nhiệm vụ chung trừ quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 15 của Quy chế này. Các yêu cầu về công bố khoa học của nghiên cứu sinh có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được cơ sở đào tạo xác nhận.

Điều 17. Đánh giá lại luận án ở cấp cơ sở đào tạo

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai. Không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Chương V

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 18. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. ĐHQG-HCM thẩm định ngẫu nhiên trong danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án theo báo cáo của cơ sở đào tạo.

2. ĐHQG-HCM thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Thẩm định theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 19. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

- a) Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh;
- b) Hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo;
- c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;
- d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án

- a) Luận án tiến sĩ;
- b) Tóm tắt luận án;
- c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 20. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo đến cơ sở đào tạo danh sách những trường hợp cần thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này, ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định, minh chứng đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này và quy định của cơ sở đào tạo.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu 02 trong 03 ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này thì ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy quyền cơ sở đào tạo tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 21. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

5. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

6. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, cơ sở đào tạo tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, có sự tham dự của đại diện ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của 02 Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

Điều 22. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung nội dung luận án theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định. Nghiên cứu sinh nộp lại bản luận án đã chỉnh sửa, hiệu đính kèm công văn của cơ sở đào tạo gửi cho các thư viện để thay thế cho bản luận án đã nộp lưu chiểu (với các trường hợp đã gửi luận án cho các thư viện).

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình. Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có). Trường hợp quá trình đào tạo có sai sót nghiêm trọng dẫn đến nghiên cứu sinh không đáp ứng được điều kiện dự tuyển và công nhận nghiên cứu sinh hoặc vi phạm quy định trong quá trình học tập, cơ sở đào tạo quyết định hủy kết quả học tập của nghiên cứu sinh, xử lý theo quy định tại Điều 30 Quy chế này.

4. Trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 23. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho cơ sở đào tạo (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện của cơ sở đào tạo (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo;

d) Cơ sở đào tạo đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng tính đến thời điểm xét cấp bằng tiến sĩ;

đ) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Điều 18 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp cơ sở đào tạo;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo (nếu có);

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM, Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện của cơ sở đào tạo;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án, nội dung luận án trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (trừ những luận án được bảo vệ theo chế độ mật);

h) Các tài liệu khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Sau khi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 23, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu khoa học thành viên quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh của trường, viện; Giám đốc ĐHQG-HCM ra quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh của khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM.

Chương VI

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN CỦA CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 24. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

3. Trách nhiệm và quyền của giảng viên thực hiện theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 và những quy định sau:

a) Đảm bảo tuân thủ kế hoạch giảng dạy đã công bố;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 25. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn: đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 của Quy chế này; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với cơ sở đào tạo.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 03 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 03 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, cơ sở đào tạo có thể xem xét tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn và báo cáo ĐHQG-HCM, nhưng không quá 50% số nghiên cứu sinh tối đa được hướng dẫn.

5. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

b) Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị bài luận hoặc đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ và tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu nếu nghiên cứu sinh trúng tuyển;

c) Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

d) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và cấp cơ sở đào tạo nếu luận án đã đáp ứng những quy định của Quy chế này và của cơ sở đào tạo;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

2. Xây dựng, thực hiện kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của cơ sở đào tạo;

3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của cơ sở đào tạo;

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;

5. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải công bố hoặc được chấp nhận công bố các bài báo khoa học theo quy định (nghiên cứu sinh là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên hệ (corresponding author); có ghi tên cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM mà nghiên cứu sinh đang theo học); các bài báo khoa học này phải được thông qua và được tập thể cán bộ hướng dẫn chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài;

6. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo và quy định của pháp luật.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch;

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn;

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh;

4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh cấp đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền của cơ sở đào tạo

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo quy định chi tiết về tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ căn cứ những quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành, trong đó bao gồm:

a) Việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát chương trình đào tạo;

b) Việc tổ chức và quản lý đào tạo, đăng ký phương thức đào tạo, đánh giá học phần;

c) Việc giải quyết những thay đổi trong quá trình đào tạo: thay đổi hướng nghiên cứu, đề tài luận án; thay đổi người hướng dẫn; chuyển đổi phương thức đào tạo; thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách, chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo; trao đổi nghiên cứu sinh, nghỉ học tạm thời; rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

d) Thành phần hội đồng hoặc đơn vị chuyên môn; quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

đ) Việc xử lý vi phạm của nghiên cứu sinh, các trường hợp bị buộc thôi học và quy trình, thủ tục cho nghiên cứu sinh thôi học;

e) Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn;

g) Tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; hồ sơ, thời gian, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý kết quả phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với các cá nhân có liên quan và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập; thời gian nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án trước khi gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai; quy định, quy trình gửi lấy ý kiến, xử lý kết quả phản biện độc lập lần thứ hai; việc tăng thêm thời gian phản biện độc lập trong các trường hợp cần thiết; việc thay thế quy trình phản biện độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế;

h) Việc đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo: yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi đánh giá luận án; thời gian, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án; quy trình thành lập Hội đồng đánh giá luận án, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng; việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng; quy trình tổ chức bảo vệ luận án trực tuyến và trực tiếp của cơ sở đào tạo; việc thay đổi tên đề tài luận án sau khi đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo;

i) Việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu luận án theo chế độ mật;

k) Thời gian, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án ở cấp cơ sở đào tạo lần thứ hai;

l) Yêu cầu, thời gian, quy trình công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ;

m) Các quy định liên quan khác.

2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh quy định của cơ sở đào tạo và những quy định liên quan khác trước khi bắt đầu khóa học.

3. Tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ theo quy định đã ban hành và chịu trách nhiệm giải trình với các bên liên quan theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

6. Thực hiện các biện pháp tăng cường liêm chính học thuật, kiểm soát chống sao chép và áp dụng những biện pháp xử lý khi vi phạm, đảm bảo tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại cơ sở đào tạo.

7. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đào tạo tiến sĩ bao gồm: danh sách nghiên cứu sinh hằng năm; các đề tài nghiên cứu đã và đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, toàn văn và tóm tắt luận án đã hoàn chỉnh sau đánh giá của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo. Cơ sở đào tạo công bố công khai các thông tin liên quan về đào tạo, cấp bằng tiến sĩ, các điều kiện bảo đảm chất lượng trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình theo quy định.

8. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và pháp luật liên quan.

9. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo ĐHQG-HCM danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục I); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục II) và đột xuất theo yêu cầu.

10. Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

11. Hằng năm có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ.

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Thanh tra, kiểm tra

1. ĐHQG-HCM thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo.

3. Cơ sở đào tạo tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án và cấp bằng tiến sĩ; triển khai các biện pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện được nêu trong kết luận thanh tra, kiểm tra; báo cáo ĐHQG-HCM kết quả thực hiện theo kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Cơ sở đào tạo, nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học chương trình đào tạo tiến sĩ trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại Điều 2;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của cơ sở đào tạo ở mức độ buộc thôi học.

3. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.

4. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

2. Quy định về người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Điều 25 của Quy chế này được thay thế cho quy định về người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Điều 11 của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM.

3. Đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, cơ sở đào tạo thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc ĐHQG-HCM.

4. Cơ sở đào tạo quyết định việc áp dụng điều kiện được thay thế quy trình phân biệt độc lập bằng minh chứng các công trình công bố quốc tế theo khoản 7 Điều 12 của Quy chế này đối với khóa tuyển sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở đào tạo xây dựng, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng trường phê duyệt quy định chi tiết về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ và chương trình đào tạo; báo cáo ĐHQG-HCM trước khi tổ chức đào tạo.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế này. Trong các trường hợp đặc biệt, cơ sở đào tạo báo cáo ĐHQG-HCM xem xét quyết định./.